TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17/9/2024
"*V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quyết.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Xô và bà Trần Thị Nhi.

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà*:** Bà Hoàng Thị Thúy Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 95/2024/TLST-HNGĐ ngày 16/4/2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/8/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1962; địa chỉ: Xóm 7, thôn A, xã H, thị xã K, tỉnh Hải Dương- Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Bà Ngô Thị H, sinh năm 1971; nơi ĐKHKTT: Xóm 7, thôn A, xã H, thị xã K, tỉnh Hải Dương; nơi ở hiện nay: Thôn T, xã Q, thị xã K, tỉnh Hải Dương - Có mặt tại phiên tòa.

- ***Người làm chứng và giám hộ cho bà H:*** Chị Tống Thị L, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn T, xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương - Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- ***Tại Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai đương sự và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Đức H trình bày như sau*:** Ông và bà Ngô Thị H chung sống như vợ chồng từ khoảng tháng 5/2016 và có 01 con chung là Nguyễn Đức D, sinh ngày 24/07/2017. Đến ngày 18/10/2017, ông và bà H đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Việc ông bà kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Trước khi kết hôn với bà H, ông đã kết hôn với bà Phạm Thị N nhưng đến năm 2016 thì ly hôn nhau. Trước khi kết hôn với ông, bà H cũng đã kết hôn với ông Tống Văn T đến năm 2003 ông T chết. Bà H và ông T có 02 con chung là Tống Thị L và Tống Thị H.

Sau khi kết hôn, ông và bà H chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại nhà ở của bà H tại xóm 7, thôn A, xã H, thị xã K. Đến năm 2020 thì bà H bị u não phải đi phẫu thuật tại Bệnh viện Hữu nghị V. Sau khi phẫu thuật, bà H bị mất trí nhớ, sức khỏe yếu, chỉ quanh quẩn ở nhà. Sau đó con riêng của bà H đã đưa bà H về nhà bà Ngô Thị S là mẹ đẻ bà H ở thôn T, xã Q, thị xã K để chăm sóc. Còn nhà của bà H, chị L khóa cổng, khóa cửa đuổi ông và cháu D ra ngoài. Chị L yêu cầu ông trả lại nhà cửa, ruộng nương cho chị L quản lý dẫn đến ông phải đi nơi khác thuê nhà ở và ông phải sống ly thân, không có cơ hội chăm sóc bà H. Gia đình chị H không tạo điều kiện cho ông và cháu D thăm, gặp bà H. Do đó tình cảm vợ chồng ông mất mát dần và đến nay đã hết. Nay, ông xác định ông và bà H không có khả năng đoàn tụ do vậy ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông và bà H có 01 con chung là Nguyễn Đức D, sinh ngày 24/07/2017. Nay ông đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D và không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện ông làm nghề buôn bán tự do, có thu nhập hàng tháng khoảng 5-6 triệu đồng, có thuê chỗ ở trọ, có đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***- Tại Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai đương sự và trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Ngô Thị H trình bày*:** Trước đây, bà có kết hôn với anh Tống Văn T. Bà và ông T có 02 người con gái tên là Tống Thị L và Tống Thị H. Hiện nay, bà đang ở cùng mẹ đẻ ở thôn T, xã Q, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Sau khi ông T chết, bà không kết hôn với người đàn ông nào tên là Nguyễn Đức H, sinh năm 1962 và cũng không có người con nào tên là Nguyễn Đức D, sinh năm 2017. Bà cũng chưa từng gặp mặt cháu D, không nhớ cháu có đặc điểm như thế nào.

Nay ông H yêu cầu xin ly hôn với bà và yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con chung. Do bà chưa từng đăng ký kết hôn với ai ngoài ông Tống Văn T và không có con chung nào khác ngoài 02 con là chị L và chị H nên bà không nhất trí giải quyết ly hôn.

Chị Tống Thị L trình bày: Chị là con gái của bà H và ông Tống Văn T, sinh năm 1968 (chết năm 2004).

Năm 2012, ông H đến chung sống với bà H tại xóm 7, thôn A, xã H, thị xã K. Đến tháng 7/2020, bà H bị bệnh u não và được đưa đi phẫu thuật tại Bệnh viện V. Quá trình bà H phẫu thuật tại Bệnh viện V, ông H biểu hiện không chăm sóc bà H. Việc chăm sóc chỉ có gia đình chị. Tổng số tiền điều trị hết khoảng 200.000.000 đồng nhưng ông H chỉ cung cấp 10.000.000 đồng.

Sau khi phẫu thuật xong, do kết quả không được như mong muốn nên tình trạng bệnh của bà H trở nặng thêm. Gia đình chị đã đưa bà H về nhà bà Hoàng Thị S (mẹ đẻ bà H) tại thôn T, xã Q, thị xã K chăm sóc. Hiện nay, bà H có biểu hiện lúc nhớ, lúc quên và chỉ nhớ được một vài người thân. Các hoạt động sinh hoạt hằng ngày và thăm khám thường niên của bà H luôn cần có sự trợ giúp của

chị và bà S.

Sau khi bà H đi phẫu thuật về chị mới biết bà H và ông H có đăng ký kết hôn từ năm 2017. Chị xác nhận bà H và ông H có 01 con chung là Nguyễn Đức D, sinh năm 2017.

Nay ông H yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và giao nuôi con chung với bà H, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung, do tình trạng bệnh của bà H đang ngày một trở nặng nên không thể chăm sóc được em D. Do đó chị mong muốn Tòa án giao cho ông H tiếp tục chăm sóc. Về điều kiện cấp dưỡng, bà H không có khả năng lao động, hiện đang nhận trợ cấp xã hội nên phải sống phụ thuộc vào gia đình và các con không có khả năng cấp dưỡng nuôi con.

- Tại Biên bản xác minh, UBND xã H, thị xã K cung cấp: Bà Ngô Thị H hiện đang hưởng chế độ bảo trợ xã hội dạng khuyết tật vận động, mức độ nặng, hàng tháng được hưởng số tiền 825.000 đồng. Bà H kết hôn với ông H vào ngày 18/10/2017 có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thị xã K. Quá trình chung sống, bà H và ông H có 01 con chung là Nguyễn Đức D, sinh ngày 24/7/2017 (có con trước khi kết hôn). Năm 2020 bà H đi mổ u não, theo như nắm bắt từ phía gia đình bà H, bà H có biểu hiện bị mất trí nhớ. Sau khi mổ u não xong, ông H và bà H sống chung một thời gian thì bà H về nhà mẹ đẻ tại thôn T, xã Q ở từ đó cho đến nay. Về mâu thuẫn của ông H bà H và nguyên nhân vì sao bà H bỏ về nhà mẹ đẻ địa phương không nắm được. Nay ông H yêu cầu xin ly hôn với bà H. Địa phương đề nghị Toà án căn cứ vào pháp luật để giải quyết.

- Tại Biên bản xác minh, trưởng thôn T, xã Q, thị xã K cung cấp: Bà Ngô Thị H, sinh năm 1971, nơi cư trú: Thôn A, xã H, thị xã K. Từ khoảng năm 2021 đến nay, chị H về ở với mẹ đẻ là bà Hoàng Thị S tại thôn T, xã Q. Theo ông được biết, bà H trước đây là người bình thường, khoảng năm 2020 bà H bị bệnh sau đó về ở ở với mẹ đẻ. Hiện nay bà H có sức khoẻ yếu, mất trí nhớ, nhiều lúc biểu hiện không biết gì. Bà H hiện không làm gì, được mẹ đẻ chăm sóc. Từ khi bà H về nhà bà S ở, ông không thấy chồng bà H đi lại, thăm gặp. Việc vợ chồng bà H có mâu thuẫn gì thì ông không biết.

- Tại Biên bản xác minh, trưởng thôn An Bộ, xã H cung cấp: Ông H hiện đang cư trú tại thôn A, xã H có vợ là bà H. Hiện nay bà H ở tại thôn T, xã Q. Ông H và bà H kết hôn với nhau năm 2017 và có 01 con chung là Nguyễn Đức D. Trước đây bà H là một người hoàn toàn bình thường, khoẻ mạnh đến năm 2020, bà H đi mổ u não về, bà H có sức khoẻ yếu, tinh thần bị suy sụp. Bà H về ở tại thôn A, xã H một thời gian thì về thôn T, xã Q sống với mẹ đẻ bà H. Do vậy ông cũng không biết tình trạng hiện nay của bà H như thế nào. Về mâu thuẫn giữa ông H, bà H trước khi bà H đi Bệnh viện vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Sau khi bà H đi mổ u não về, ông thấy ông H không quan tâm, chăm sóc bà H.

- Tại Công văn số 3833/VĐ-KHTH ngày 26/8/2024, Bệnh viện Hữu nghị V cung cấp: Bà Ngô Thị H vào điều trị nội trú tại Bệnh viện Hữu nghị V từ

ngày 30/7/2020 đến ngày 19/8/2020 với chẩn đoán: U màng não; người bệnh được phẫu thuật vi phẫu cắt u ngày 31/7/2020. Bệnh viện Hữu nghị V không xác định được việc bà H bị mổ u não có dẫn đến việc bà bị mất trí nhớ hay không.

Tại phiên tòa:

- Ông H giữ nguyên quan điểm như đã trình bày nêu trên.

- Bà H trình bày: Bà không nhớ ông Hợp và cháu D là ai nên bà không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông H.

- Chị Tống Thị L xác định bà H bị mất trí nhờ từ sau khi bà đi mổ u não vào năm 2020 về. Hiện bà H chỉ nhớ được vài người thân và hay thường xuyên gặp mặt. Chị nhất trí là người giám hộ cho bà H. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông H chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của các đương sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho ông Nguyễn Đức H được ly hôn với bà Ngô Thị H.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức D, sinh ngày 24/07/2017 cho ông H tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của ông H không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- *Về án phí:* Ông Nguyễn Đức H được miễn nộp án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, thấy rằng:

[1.1] Bị đơn bà Ngô Thị H xác định bà không kết hôn với ông Nguyễn Đức H nên bà không nhất trí ly hôn với ông H. Tuy nhiên căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn, lời khai của nguyên đơn, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ thu thập được từ UBND xã H; trưởng thôn A, xã H; trưởng thôn T, xã Q, thị xã K có đủ căn cứ xác định: Ông Nguyễn Đức H và bà Ngô Thị H tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, chung sống như vợ chồng từ năm 2016 đến ngày 18/10/2017 đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thị xã K. Như vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Ông bà chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do từ khi bà H đi mổ u não về, không còn nhớ ra ông H và con, bà được con riêng của mình đưa về nhà mẹ đẻ chăm sóc, không sống cùng ông H. Từ năm 2021 đến nay ông bà đã sống ly thân với nhau, vợ chồng mỗi người một nơi, chấm dứt về mặt tình cảm, không còn quan tâm

đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần triệu tập hai bên đến hoà giải. Tuy nhiên ông H và bà H vẫn giữ nguyên quan điểm, Toà án không tiến hành hoà giải được. Xét thấy, ông H và bà H đã ly thân không còn quan tâm đến nhau từ nhiều năm nay, không có khả năng đoàn tụ, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ông H được ly hôn bà H là phù hợp.

[1.2] Về con chung: Ông H và bà H có 01 con chung là Nguyễn Đức D, sinh ngày 24/07/2017 hiện đang do ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu D. Bà H xác định bà không có con chung là cháu D nên không có quan điểm về việc nuôi con. Cháu D có nguyện vọng được ở với bố. Xét ông H và bà H kết hôn với nhau ngày 18/10/2017, trước khi kết hôn đã chung sống với nhau như vợ chồng. Cháu D được đăng ký khai sinh ngày 18/10/2017. Tại mục "Họ, chữ đệm, tên người mẹ" thể hiện tên mẹ là Ngô Thị H. Bà H hiện mất trí nhớ nên trình bày không có con tên là D. Tuy nhiên có đủ căn cứ xác định cháu D là con chung của ông H và bà H. Ông H làm nghề buôn bán tự do, có thu nhập hàng tháng khoảng 5-6 triệu đồng, có thuê chỗ ở trọ, có đủ điều kiện để nuôi con. Mặt khác, từ khi ông bà ly thân, cháu D ở cùng với ông H, được ông H chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển bình thường. Vì vậy cần giao cháu D cho ông H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của ông H không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[1.3] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[2] Về án phí: Ông Nguyễn Đức H là người cao tuổi, đã có đơn đề nghị miến nộp án phí nên cần miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Đức H được ly hôn bà Ngô Thị H.

2. Về con chung: Xử giao cháu Nguyễn Đức D, sinh ngày 24/07/2017 cho ông H tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu D tròn 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của ông H về việc không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Đức H.

5. Về quyền kháng cáo: Báo các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- UBND xã H, thị xã K, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Quyết